

BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA DUY TRÌ VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI CỦA XÃ ĐÔNG MINH, HUYỆN ĐÔNG SƠN (THEO QUYẾT ĐỊNH 1415/2017/QĐ-UBND)

(Kèm theo Báo cáo số: 197/BC- UBND ngày 01/9/2021 của UBND huyện Đông Sơn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu đạt chuẩn	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện so với tiêu chí xã NTM nâng cao
I. QUY HOẠCH					
1	Tiêu chí số 1: Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố đúng thời hạn.	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt
II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI					
2	Tiêu chí số 4: Điện	4.1. Có hệ thống đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện theo Quyết định số 4293/QĐ-BCT ngày 28/10/2016 của Bộ Công Thương về phương pháp đánh giá thực hiện theo tiêu chí số 4 về Điện nông thôn trong bộ tiêu chí Quốc gia về NTM giai đoạn 2016-2020	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn	≥ 98%	(1.389/1.389 hộ, đạt 100%) Đạt	(1.389/1.389 hộ, đạt 100%) Đạt
3	Tiêu chí số 5: Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: mầm non, tiểu học, THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn quốc gia	≥ 80%	Đạt 100%	Đạt 100%, Đạt
4	Tiêu chí số 7: Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ trong quy hoạch của tỉnh phải xây dựng đạt chuẩn theo quy định; xã không quy hoạch chợ thì phải có cửa hàng kinh doanh tổng hợp hoặc siêu thị mini đạt chuẩn theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
5	Tiêu chí số 8: Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đạt	Đạt	Đạt

		8.3. Xã có đài truyền thanh hoạt động theo quy định; có tối thiểu 2/3 số thôn có hệ thống loa kết nối với Đài truyền thanh xã đang sử dụng tốt	Đạt	Đạt	Đạt
		8.4. Xã có trang thông tin điện tử riêng hoặc có trang thông tin điện tử thành phần trên trang Cổng thông tin điện tử của huyện; 80% cán bộ, công chức xã có máy vi tính phục vụ nhiệm vụ chuyên môn; UBND xã được triển khai, ứng dụng phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc trong quản lý, điều hành các công việc; ứng dụng phần mềm theo dõi nhiệm vụ của UBND huyện; có ứng dụng CNTT để hỗ trợ giải quyết thủ tục hành chính tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	Đạt	Đạt	Đạt
III. VĂN HOÁ - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG					
6	Tiêu chí số 18: Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn theo quy định	100	Đạt 100 %	(19/19 người đạt 100%) Đạt
		18.2. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định.	Đạt	Đạt	Đạt
		18.3. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh”	Đạt	Đạt	Đạt
		18.4. Tổ chức chính trị-xã hội của xã đạt loại khá trở lên	Đạt	Đạt	Đạt
		18.5. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt
		18.6. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của gia đình và đời sống xã hội.	Đạt	Đạt	Đạt
7	Tiêu chí số 19: Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân "Vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt

**BIỂU TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM TRA
CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO
của xã Đông Minh, huyện Đông Sơn, tỉnh Thanh Hóa**

(Kèm theo Báo cáo số: /BC- UBND ngày / /2020 của UBND huyện Đông Sơn)

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu (Vùng 2)	Kết quả tự đánh giá của xã	Kết quả thẩm tra của huyện
I	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI				
1	Giao thông	1.1. Đường xã và đường từ trung tâm xã đến đường huyện chiều rộng nền đường tối thiểu 6,5m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 4,5m được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100%	(3,26/3,26km đạt 100%) Đạt	(3,26/3,26 km đạt 100% đường nhựa) Đạt
		1.2. Đường trục thôn, bản và đường liên thôn, bản chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	100% (≥80% cứng hóa)	(5,53/5,53km đạt 100%) Đạt	(5,53/5,53km 100% bê tông hóa) Đạt
		1.3. Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m (trường hợp bất khả kháng nền đường tối thiểu 3,0m, mặt đường tối thiểu 2,0m); Với đường dân sinh chủ yếu phục vụ đi lại của người dân giữa các cụm dân cư và các hộ gia đình không có ô-tô chạy nền đường tối thiểu 2,0m, mặt đường tối thiểu 1,5m.	100% (≥80% cứng hóa)	(6,78/6,78km đạt 100%) Đạt	(6,78/6,78km đạt 100% bê tông hóa) Đạt
		1.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm, chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m, chiều rộng mặt đường tối thiểu 3,0m.	100% (≥70% cứng hóa)	(5,83/5,83 km, đạt 100%) Đạt	(5,83/5,83 km, đạt 100% cứng hóa) Đạt
		1.5. Các đoạn đường trục xã và trục thôn trong khu dân cư có rãnh tiêu thoát nước mặt đường.	≥50%	(11,8km/15,57 Đạt 75,78%) Đạt	(11,8km/15,57 Đạt 75,78%) Đạt

2	Thủy lợi	2.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động không nhỏ hơn năm trước liền kề.	Đạt	(DT tưới 464,28/464,28 ha; Đạt 100%; DT tiêu 354,67/354,67ha, đạt 100%) Đạt	(DT tưới 464,28/464,28 ha; Đạt 100%; DT tiêu 354,67/354,67ha, đạt 100%) Đạt
		2.2. Đối với kế hoạch phòng, chống thiên tai đảm bảo các nội dung: Bố trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai; Bản đồ vị trí kho vật tư dự trữ phòng, chống thiên tai; lập phương án di dân đối với dân cư sống trong vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ, lụt, sạt lở đất...; quy định cụ thể về chuẩn bị điều kiện cần thiết đối với các hộ dân khi phải di dời.	Đạt	Đạt	Đạt
		2.3. Quản lý và bảo vệ công trình phòng chống thiên tai: Không đổ rác lên mái đê, hành lang bảo vệ đê, bãi sông; không có vi phạm pháp luật về đê điều và PCLB theo quy định của Luật Đê điều và Luật PCTT.	Đạt	Đạt	Đạt
3	Cơ sở vật chất văn hóa	Đảm bảo theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	≥ 80%	Đạt 100%	Đạt 100%
4	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng phải lớn hơn hoặc bằng tỷ lệ hộ gia đình có nhà ở đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng tính tại thời điểm xã được UBND tỉnh công nhận đạt chuẩn NTM.	Đạt	(1.389/1.389 nhà, đạt 100%) Đạt	(1.389/1.389 nhà, đạt 100%) Đạt
II		KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT			
5	Thu nhập	5.1. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn (triệu đồng/người).	Năm 2020: ≥ 48	Năm 2021: 67 triệu đồng/người	(67 triệu đồng/người) Đạt
		5.2. Tốc độ tăng Thu nhập bình quân đầu người hàng năm (tính từ năm được công nhận xã đạt chuẩn NTM đến năm đề nghị xét công nhận xã đạt chuẩn	Đạt	Bình quân hàng năm đạt 20,7%, Đạt	(Bình quân hàng năm đạt 20,7%) Đạt

		<i>NTM nâng cao</i>) từ 10% trở lên.			
6	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều.	$\leq 2,5\%$	0%) Đạt	(0%) Đạt
7	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 94\%$	(2.379/2.442 Chiếm 97,42%) Đạt	(2.379/2.442 Chiếm 97,42%) Đạt
8	Tổ chức sản xuất	8.1. Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012 và có hiệu quả.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với sản phẩm chủ lực của xã đảm bảo chất lượng, an toàn thực phẩm và gắn với định hướng phát triển dịch vụ, du lịch... của địa phương.	Đạt	Đạt	Đạt
		8.3. Tỷ lệ diện tích cơ giới hóa bình quân các khâu trong sản xuất đối với các cây trồng chủ lực.	$\geq 75\%$	(75,3%) Đạt	(75,3%) Đạt
9	Vườn hộ	9.1. Có ít nhất 30% vườn hộ có hệ thống tưới, tiêu khoa học hoặc có áp dụng một trong các ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến khác vào sản xuất, thu hoạch, bảo quản và chế biến.	Đạt	(03/03 Vườn đạt 100%) Đạt	(03/03 Vườn đạt 100%) Đạt
		9.2. Vườn hộ được quy hoạch khoa học, hiệu quả; sản phẩm hàng hóa đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm.	Đạt	Đạt	Đạt
		9.3. Giá trị sản phẩm nông nghiệp hàng hóa của Vườn hộ chiếm tỷ lệ tối thiểu 75% tổng giá trị sản phẩm từ vườn.	Đạt	78,3% Đạt	Đạt (78,3%)
III	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG				
10	Giáo dục và Đào tạo	10.1. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2; đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở mức độ 3 theo Quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ.	Đạt	Đạt	Đạt

		10.2. Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo.	$\geq 65\%$	1.893/2.379 LĐ, đạt 79,57%; Đạt	(1.893/2.379 LĐ, đạt 79,57%) Đạt
11	Y tế	11.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế.	$\geq 91\%$	(3.955 thẻ/4.048 người, đạt 97,7%); Đạt	(3.955 thẻ/4.048 người, đạt 97,7%); Đạt
		11.2. Triển khai thực hiện tốt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh (trên người); tích cực triển khai các hoạt động giám sát, phát hiện, xử lý và báo cáo dịch kịp thời; không để dịch lớn xảy ra trên địa bàn xã.	Đạt	Đạt	Đạt
		11.3. Triển khai hiệu quả các hoạt động an toàn thực phẩm; hàng năm trên địa bàn xã không xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn, đông người (từ 30 người trở lên).	Đạt	Đạt	Đạt
		11.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) năm sau thấp hơn năm trước 0,5% trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt
12	Văn hóa	12.1. Tỷ lệ thôn, bản đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định.	$\geq 90\%$	6/6 thôn đạt 100%; Đạt	(6/6 thôn đạt 100%); Đạt
		12.2. Xã đạt chuẩn văn hóa nông thôn mới.	Đạt	(Đã chuẩn văn hóa nông thôn mới tại <i>QĐ số 1633/QĐ-UBND ngày 03/11/2017</i> của UBND huyện Đông Sơn) Đạt	(Đã chuẩn văn hóa nông thôn mới tại <i>QĐ số 1633/QĐ-UBND ngày 20/7/2017</i> của UBND huyện Đông Sơn) Đạt
13	Môi trường và an toàn thực phẩm	13.1. Xã có hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung và Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định.	Đạt 100% (100% nước sạch)	(1.389/1.389 hộ đạt 100%) Đạt	(1.389/1.389 hộ đạt 100%) Đạt
		13.2. Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.	100%	Đạt (226/226 cơ sở; đạt 100%)	Đạt (226/226 cơ sở, đạt 100%)
		13.3. Khu xử lý rác thải tập trung của xã (nếu có) được bao quanh bằng hàng rào cây xanh.	Đạt	Xã không có khu xử lý rác thải tập trung	Xã không có khu xử lý rác thải tập trung
		13.4. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn xã được thu gom và xử lý theo đúng quy định.	$\geq 80\%$	Đạt 100%; Đạt	(Đạt 100%) Đạt
		13.5. Các hộ gia đình có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo quy định.	$\geq 90\%$	(1.389/1.380 hộ, đạt 100%) Đạt	(1.389/1.380 hộ, đạt 100%) Đạt

		13.6. Tỷ lệ các hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường.	≥ 80%	(88/88hộ, đạt 100%) Đạt	(88/88hộ, đạt 100%) Đạt
		13.7. Tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại, áp dụng biện pháp xử lý phù hợp.	≥ 60%	(1.073/1.389 hộ, đạt 77,2%) Đạt	(1.073/1.389 hộ, đạt 77,2%) Đạt
		13.8. Tỷ lệ số tuyến đường được trồng hoa, trồng cây bóng mát.	≥ 40%	(8,5km/15,57km, đạt 54,61%); Đạt	(8,5km/15,57km, đạt 54,61%); Đạt
		13.9. Mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, hiệu quả, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Có	Có	Đạt
IV	AN NINH TRẬT TỰ - HÀNH CHÍNH CÔNG				
14	An ninh trật tự	14.1. Tỷ lệ khu dân cư được công nhận đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” từ 90% trở lên; ANTT được đảm bảo; nhân dân tích cực tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; có các mô hình tự quản liên kết bảo vệ ANTT hoạt động thường xuyên, hiệu quả; trong 3 năm liền kể năm được xét công nhận, có 01 năm được tặng bằng khen về phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2. Không có người chấp hành xong án phạt tù và đặc xá cư trú tại địa bàn tái phạm tội bị khởi tố; không để xảy ra hoạt động tội phạm có tổ chức, tội phạm về ma túy, kinh tế, môi trường phức tạp kéo dài, chậm bị phát hiện.	Đạt	Đạt	Đạt
		14.3. Lực lượng công an xã được xây dựng, củng cố trong sạch, vững mạnh, trong 3 năm liền kể năm xét công nhận ít nhất có 01 năm đạt danh hiệu “Đơn vị quyết thắng” trở lên.	Đạt	Đạt	Đạt
15	Hành chính công	Thực hiện tốt yêu cầu cải cách, đơn giản hóa các thủ tục hành chính; giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, công dân đảm bảo đúng quy định của pháp luật.	Đạt	Đạt	Đạt